

Biểu 03**Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC & THCS VIỆT DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Chương: 622 Loại 070 Khoản 072;073****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Đông Triều, ngày 10 tháng 04 năm 2022***CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2022***(Kèm theo thông báo số: /TB-TH&THCS ngày 10/4/2022 của trường tiểu học&THCS)*

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-PGDĐT ngày 05/01/2022 của Phòng giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều "về việc giao dự toán ngân sách năm 2022";

Trường Tiểu học &THCS Việt Dân công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I năm 2022 như sau:

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2022	Thực hiện quý II năm 2022	Thực hiện quý II/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý II năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)	Số liệu Quý I/2021
1	2	3	4	5	6	
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	94.000.000	0		-	
1	Số thu phí, lệ phí	94.000.000	0		-	
1.1	Học phí	94.000.000	0		-	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	94.000.000	0		-	
	Mục 6000: Tiền lương	37.600.000				
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	13.000.000				
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	9.600.000				
	Mục 6750: Chi thuê mướn	6.800.000				
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	18.000.000				
	Mục 7000: Chi nghiệp vụ chuyên môn	9.000.000				

3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0		-	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.011.000.000	1.102.212.887	22	86	1.278.558.259
1	Chi quản lý hành chính					
2	Nghiên cứu khoa học					
3	Chi nghiệp vụ giáo dục đào tạo dạy nghề	5.011.000.000	1.102.212.887	22	86	1.278.558.259
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.011.000.000	1.102.212.887	22	86	1.278.558.259
a	Chi thanh toán cho cá nhân	4.121.000.000	901.467.513	22	103	875.791.631
	Mục 6000: Tiền lương	2.242.000.000	506.984.167	23	109	466.481.751
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	-		0	-	11.010.301
	Mục 6100: Phụ cấp lương	1.262.000.000	257.073.377	20	96	269.186.007
	Mục 6200: Tiền thưởng	16.000.000	-		-	-
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	11.000.000	-	0	-	-
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	590.000.000	137.409.969	23	106	129.113.572
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	-		0	-	
b	Chi nghiệp vụ chuyên môn	819.000.000	100.698.124	12	25	402.486.128
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	89.000.000	5.630.412	6	35	16.044.677
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	140.000.000		0	-	97.435.000
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	52.000.000	9.447.312	18	99	9.510.751
	Mục 6650: Hội nghị	30.000.000		0		
	Mục 6700: Công tác phí	42.000.000	5.460.000	13	121	4.500.000
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	108.000.000	25.568.400	24	100	25.568.400
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	160.000.000	44.472.000	28	37	119.318.300
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	60.000.000		0	-	70.000.000
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	120.000.000	10.120.000	8	19	54.509.000
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	18.000.000		0	-	5.600.000
c	Các khoản chi khác	71.000.000	100.047.250	141	-	280.500
	Mục 7750: Chi khác	71.000.000	100.047.250	141	-	280.500
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-			-	
a	Chi thanh toán cho cá nhân	-	-		-	-

	Mục 6100: Phụ cấp lương	-			-	
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ cho HS SV	-			-	
	Mục 6750: Chi thuê mướn	-			-	
<u>b</u>	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>-</u>	<u>-</u>		<u>-</u>	<u>-</u>
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.				-	

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Thị Nguyệt

